

Số: 22 /2021/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 để xác định giá đất
tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 320/TTr-STC ngày 07/6/2021, Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 539/BC-STP ngày 08/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Nam Định theo phụ lục chi tiết đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, thông tin giá đất chuyển nhượng thực tế trên thị

trường đề rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc về giá đất (sau khi áp dụng hệ số) để xác định nghĩa vụ tài chính, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.


Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/6/2021 và thay thế Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTrVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP6. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Anh Dũng

Phụ lục

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2021 ĐỂ XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT TÍNH THU TIỀN
SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số: 22 /2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Nam Định)

| STT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 |
|-----|---|--------------------------------------|
| | I. Thành phố Nam Định | |
| 1 | Tại các phường của Thành phố Nam Định | 1,1 |
| 2 | Tại các xã của Thành phố Nam Định | 1,1 |
| 3 | Đất dịch vụ Khu Văn hóa Trần | 1,1 |
| 4 | Khu công nghiệp Hòa Xá | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp An Xá | 1,0 |
| 6 | Tuyến đường Đại lộ Thiên Trường | 1,1 |
| | II. Huyện Mỹ Lộc | |
| 1 | Tại Thị trấn Mỹ Lộc | 1,1 |
| 2 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Mỹ Lộc | 1,0 |
| 3 | Khu công nghiệp Mỹ Trung | 1,0 |
| 4 | Tuyến đường Đại lộ Thiên Trường tại thị trấn Mỹ Lộc | 1,1 |
| 5 | Tuyến đường Đại lộ Thiên Trường tại các xã còn lại | 1,1 |
| | III. Huyện Vụ Bản | |
| 1 | Tại Thị trấn Gôi | 1,1 |
| 2 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Vụ Bản | 1,0 |
| 3 | Đất dịch vụ Khu công nghiệp Bảo Minh | 1,0 |
| 4 | Cụm công nghiệp Trung Thành | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp Quang Trung | 1,0 |
| 6 | Khu công nghiệp Bảo Minh | 1,0 |
| | IV. Huyện Ý Yên | |
| 1 | Tại Thị trấn Lâm | 1,1 |
| 2 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Ý Yên | 1,0 |
| 3 | Cụm công nghiệp làng nghề thương mại dịch vụ phía Nam thị trấn Lâm | 1,1 |
| 4 | Cụm công nghiệp La Xuyên, xã Yên Ninh | 1,1 |
| 5 | Cụm công nghiệp tập trung xã Yên Xá | 1,1 |
| 6 | Cụm công nghiệp tập trung xã Yên Dương | 1,0 |

| STT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 |
|-----|---|-----------------------------------|
| | V. Huyện Nghĩa Hưng | |
| 1 | Tại Thị trấn Liễu Đề | 1,1 |
| 2 | Tại Thị trấn Rạng Đông | 1,0 |
| 3 | Tại Thị trấn Quỹ Nhất | 1,0 |
| 4 | Tại các xã còn lại | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp Nghĩa Sơn | 1,0 |
| 6 | Khu công nghiệp Rạng Đông | 1,0 |
| 7 | Đất bãi ngoài đê ven sông Ninh Cơ | 1,0 |
| | VI. Huyện Trực Ninh | |
| 1 | Tại Thị trấn Cổ Lễ | 1,1 |
| 2 | Tại Thị trấn Cát Thành | 1,1 |
| 3 | Tại Thị trấn Ninh Cường | 1,1 |
| 4 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Trực Ninh | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp thị trấn Cổ Lễ | 1,0 |
| 6 | Cụm công nghiệp thị trấn Cát Thành | 1,0 |
| 7 | Cụm công nghiệp Trực Hùng | 1,0 |
| | VII. Huyện Xuân Trường | |
| 1 | Tại Thị trấn Xuân Trường | 1,1 |
| 2 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Xuân Trường | 1,0 |
| 3 | Cụm công nghiệp Xuân Bắc | 1,0 |
| 4 | Cụm công nghiệp Xuân Tiến | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp thị trấn Xuân Trường (sau UBND huyện Xuân Trường) | 1,0 |
| 6 | Cụm công nghiệp thị trấn Xuân Trường (ngoài bãi sông Ninh Cơ) | 1,0 |
| | VIII. Huyện Nam Trực | |
| 1 | Tại Thị trấn Nam Giang | 1,1 |
| 2 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Nam Trực | 1,0 |
| 3 | Cụm công nghiệp Vân Chàng | 1,0 |
| 4 | Cụm công nghiệp Đồng Côi | 1,0 |
| | IX. Huyện Hải Hậu | |
| 1 | Tại Thị trấn Yên Định | 1,1 |

| STT | Khu vực | Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 |
|---------------------------|--|--|
| 2 | Tại Thị trấn Thịnh Long | 1,1 |
| 3 | Tại Thị trấn Cồn | 1,1 |
| 4 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Hải Hậu | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp Hải Phương | 1,0 |
| 6 | Cụm công nghiệp Hải Minh | 1,1 |
| 7 | Cụm công nghiệp Thịnh Long | 1,0 |
| 8 | Khu du lịch Thịnh Long | 1,0 |
| X. Huyện Giao Thủy | | |
| 1 | Tại Thị trấn Ngô Đồng | 1,1 |
| 2 | Tại Thị trấn Quất Lâm | 1,1 |
| 3 | Tại các xã còn lại thuộc huyện Giao Thủy | 1,0 |
| 4 | Khu du lịch Quất Lâm | 1,0 |
| 5 | Cụm công nghiệp Thịnh Lâm | 1,0 |